

## Chân dung một khu phố đông dân cư nghèo ở thành phố Hồ Chí Minh

NHÓM NGHIÊN CỨU CÔNG TÁC XÃ HỘI  
HỘI TÂM LÝ - GIÁO DỤC HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Những khu ở ổ chuột, những căn nhà tạm bợ xây cất ven kinh rạch, với dân cư đông đúc chen chúc nhau trong điều kiện môi sinh hết sức tồi tệ là đặc điểm phổ biến của đô thị các nước chậm phát triển. Đáng lo ngại hơn nhiều là hậu quả xã hội tất yếu của môi trường này. Đó là các tệ nạn xã hội đủ loại: trộm cướp, mại dâm, xì ke ma túy và bệnh tật.

Sài Gòn trước đây không đứng ngoài quy luật đó. Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay mặc dù an sinh xã hội được đặt lên hàng đầu trong quản lý địa phương và đã có một số cố gắng để giải quyết, nhưng vấn đề người nghèo thành thị đã là một bức xúc đến mức báo động. Nguyên nhân dễ hiểu là khó khăn chung về kinh tế của cả nước, sự hạn chế về kinh nghiệm quản lý, nhất là quản lý đô thị. Theo số liệu của Sở Nhà đất, thành phố có 43.000 căn nhà tạm bợ, lụp xụp. Trong đó 17.500 căn sống trên kinh rạch ô nhiễm.

Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm kinh tế, công nghiệp của cả nước. Quận I là "trung tâm của trung tâm", có các cơ sở nhà nước và giao dịch quốc tế, vậy mà quận I cũng được biết đến với các khu dân cư chen chúc nổi tiếng như Mả Lạng (Đông Tiến), Xóm Chùa, Văn Hiến, Đa Kao v.v...

Khi nghe nhắc tới phường Tân Định, ai lại không nghĩ tới chợ Tân Định sầm uất, đường Hai Bà Trưng kinh doanh tấp nập, các khu biệt thự sang trọng. Tuy nhiên, mỗi quan tâm không nhỏ là 25% số dân của phường còn sống trong các khu nhà tạm bợ, lụp xụp ven kinh rạch nơi xuất phát nhiều vấn đề xã hội, nhất là ở các khu phố 5, 6, 7. Khảo sát, tìm hiểu đời sống kinh tế xã hội của các khu phố nghèo\* vì thế có một ý nghĩa rất lớn.

Cuộc điều tra nhằm tìm hiểu một cách khái quát về các đặc điểm dân số học, tình dân nhà ở và môi sinh, đời sống kinh tế, các vấn đề y tế xã hội và nguyện vọng của người dân.

### I- KHU PHỐ 6 VÀ MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM DÂN SỐ HỌC CỦA ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU TRA.

Phường Tân Định nằm gọn giữa hai đường Hai Bà Trưng, Võ Thị Sáu và rạch Thị Nghè. Với diện tích 0,6141km<sup>2</sup>, phường có tới 37.808 dân. Nói cách khác là 61.566 người/km<sup>2</sup>. Trong khi đó mật độ dân số nội thành thành phố Hồ Chí Minh là 20.000 người/km<sup>2</sup>. Mật độ ở một phường khác như phường 8, Phú Nhuận cũng chỉ là 32.671 người/km<sup>2</sup>

Số hộ gồm 8253, trong đó 960 là tạm trú (11,63%). 35.628 (94,23%) là người Kinh,

\* Nhóm nghiên cứu công tác xã hội tiến hành khảo sát xã hội học tại khu phố 6, phường Tân Định, quận I, thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc khảo sát được tiến hành năm 1991.

2.094 (5,53%) người gốc Hoa, 86 (0,24%) người các dân tộc khác. 17.181 là nam (45,50%), và 20.627 nữ (54,50%).

Với diện tích khoảng 43.865 m<sup>2</sup> (1/14 diện tích phường), khu phố 6 là một trong 10 khu phố của phường, giới hạn bởi các đường Trần Khát Chân, Trần Quang Khải, hẻm 68 Trần Quang Khải và rạch Thị Nghè.

Khu phố có 752 hộ thường trú và 69 (9,17%) hộ tạm trú (hộ tạm trú là hộ có hai người tạm trú trở lên), với tổng số dân 3.818 người. Mật độ dân số là 87.039 người/km<sup>2</sup>.

Một số đặc điểm của 202 hộ đối tượng điều tra

### 1. Về các hộ và tình hình cư trú:

Có 183 hộ thường trú và 19 hộ tạm trú (10,38%). Đây thực chất là số liệu về các hộ, còn tỷ lệ người tạm trú sống trong những hộ thường trú thì cao hơn nhiều. Và lại tình hình cư trú thực tế khá khác biệt với số liệu trên văn bản quản lý. Như khắp nơi trong thành phố, “tạm trú ở thật” và “thường trú ở chơi” rất phổ biến. Có nghĩa là có người có tên chính thức trong hộ khẩu thường trú mà ở tỉnh, quận khác, không ít người có qui chế tạm trú là dân gốc gác tại đây từ lâu đời mà vì nhiều lý do khác nhau chưa xin thường trú được. Họ có thể là người đi học tập cải tạo, đi kinh tế mới về, đi nghĩa vụ quân sự về, hoặc mất nhà v.v...

Đơn vị được chọn là hộ khẩu theo tên chủ hộ. Kết quả điều tra cho biết:

- + 159 hộ (78,71%) là những "hộ đơn", nghĩa là mỗi hộ sống trong một căn nhà
- + 41 hộ (20,29%) là "hộ ghép". nghĩa là nhiều hộ khác nhau có hộ khẩu riêng sống trong một căn nhà.
- + 2 hộ (1%) là hộ gia đình không có nhà. sống ở via hè.

Có thể suy luận rằng trong tổng số trên 8.000 hộ của phường Tân Định có tối thiểu bảy, tám chục hộ sống via hè. Nếu tính đến đường Hai Bà Trưng thì chắc số này cao hơn đáng kể.

### 2. Dân tộc và tôn giáo:

191 hộ người Kinh	(94,55%)
11 hộ người Hoa	(5,44%)
Về tôn giáo có:	
94 là Phật giáo	(46,53%)
63 thờ ông bà	(31,18%)
23 không tôn giáo	(11,28%)
19 công giáo	(9,40%)
03 tôn giáo khác (Tin Lành, Cao Đài v.v...)	1,41%

Các số liệu trên đây phản ánh ít nhiều tình hình tôn giáo chung cả nước.

### 3. Về nguồn gốc, thời điểm đến định cư:

Về nguồn gốc chúng tôi tìm hiểu nơi sinh của các chủ hộ. Kết hợp với thời điểm đến lập nghiệp tại đây cho thấy một số đặc điểm lý thú.

Gần 70% chủ hộ sinh ở Sài Gòn cũ và các tỉnh phía Nam. 13,3% là người từ miền Bắc vào năm 1954 và 1975. Người miền Trung chiếm tỷ lệ 11,88%. Người từ nguồn gốc khác, đợt trước 1955 là người sinh ở Trung Quốc qua Việt Nam lập nghiệp, các đợt sau là những người Việt Nam sinh ở Campuchia, Lào. Mặc dù người gốc miền Nam là đa số, biểu đồ định cư phân tích theo nguồn gốc cho thấy số người Bắc và Trung có chiều hướng đi lên.

Số người gốc thành phố Hồ Chí Minh tăng vọt giữa 1980 và 1985 phần lớn là đi hồi hương hay kinh tế mới trở về.

Nói chung, ngoài các hộ khá giả sống ở mặt đường phố, nguồn gốc của những gia đình định cư tại đây là dân nghèo, các tỉnh miền Nam lên Sài Gòn làm công (cho Pháp, cho người Việt), buôn bán, đi học rồi ở lại luôn. Đó cũng là những người từ "miền Trung khó sống" vào thành phố tìm kế sinh nhai hay chạy vào sau một cơn bão lụt tàn phá hết gia sản. Năm hộ từ "nơi khác" có mặt trước 1955 là những người Trung Hoa sinh ở Trung Quốc sang Việt Nam lập nghiệp.

25% là những người bị tác động do thời cuộc như cuộc di cư năm 54, chiến tranh ác liệt ở các vùng nông thôn miền Nam và miền Trung, nhất là các năm 65, 68 và 72, những xáo trộn năm 1975, và bầu không khí tâm lý xã hội khó sống ở một số tỉnh. Đáng lưu ý là 9% đi hồi hương hay vùng kinh tế mới về mất tài sản, mất nhà, và hộ khẩu ở chính nơi cư ngụ gốc của mình.

## II. NHÀ Ở, VỆ SINH MÔI TRƯỜNG VÀ ĐIỀU KIỆN SINH HOẠT

Chỉ cần nhìn lại mật độ dân số của khu phố 6 (87.039 người/km<sup>2</sup>) cũng có thể hình dung ngay điều kiện sinh sống của đa số dân cư. Tuy nhiên con số bình quân có thể che dấu sự phân hóa lớn và khoảng cách giữa các biệt thự, phố lớn ở mặt đường Trần Quang Khải đường Trần Khát Chân và các căn chòi lụp xụp trên kinh rạch. Và hiện tượng trở thành qui luật là càng đi về ven kinh rạch thì tình hình càng tồi tệ hơn.

### 1. Về nhà ở

Trừ 2 hộ vỉa hè, còn 200 nhà được phân loại như sau:

*Các loại nhà:*

- Xi măng	158	79%
- Gỗ (nền chắc)	21	10%
- Sàn	10	5%
-Rất tạm bợ	11	6%

*Về sở hữu*

-Mua	103	52%
-Tự cất	70	35%
- Nhà nước cấp	13	6%
- Thuê	08	4%
- Ở nhờ	06	3%

*Điều kiện ở*

Các số liệu trên cho thấy 11% nhà rất tạm bợ hay xây cất trên kinh rạch khó có thể tồn tại lâu dài; mặt khác ngay các nhà xây trên nền xi măng hay đất cũng có một số ở trong điều kiện cần phải cải thiện. Các điều tra viên đánh giá độ 24% là những nhà tối tăm chật chội, mục nát hay bị nước ngập hoặc gần cầu tiêu công cộng rất hôi hám. Có những nhà mang hình một chiếc ghe vì đó thật sự là ghe: khi dân xung quanh xây cất trên đất bồi, gia đình này xây một bức tường theo hình dáng của chiếc ghe. Có những gia đình thì đến tối có người phải đi ngủ trọ nhà khác hay ở một hành lang giữa hai nhà.

Chỉ cần xem vài số liệu dưới đây về mật độ ở thì sẽ thấy vấn đề. Căn cứ trên diện tích nhà và số người, chúng tôi thấy được mật độ ở như sau:

+ 0 -2	m <sup>2</sup> /người	18 hộ	9% (có nơi chưa được 1 m <sup>2</sup> /người)
+ 2,1 - 4	m <sup>2</sup> /người	56 hộ	28%
+ 4,1 - 6	m <sup>2</sup> /người	45 hộ	23%
+ Trên 6	m <sup>2</sup> /người	81 hộ	40%

40% các hộ may mắn có mật độ ở trên 6 m<sup>2</sup>/người trở lên (có nhà lên tới vài chục m<sup>2</sup>) là những thành phần khá giả, giàu có ở mặt đường.

23% sống ở mật độ bình quân cả nước (4,1 - 6m<sup>2</sup>), nhưng là một bình quân hết sức thấp kém ngay với cả một số nước đang phát triển hiện nay.

37% sống trong điều kiện quá chật chội (2,1 - 4m<sup>2</sup>/người) và đến mức không thể chấp nhận được là 0 - 2m<sup>2</sup>/người.

Do thiếu thốn nhiều gia đình vốn đã đông mà còn cho mượn một phần nhà ở để tăng thu nhập. Có người cứ "cắt từng miếng" bán dần cho đến khi chỉ còn một xó nhỏ cho gia đình mình.

## 2. Vệ sinh môi trường

\* *Nhà vệ sinh*: 89 hộ (45%) không có nhà vệ sinh trong nhà, 111 hộ (55%) có nhưng trong đó 90 hộ (45%) có hầm trong nhà, còn 21 hộ (10%) thông ra sông.

\* *Cống rãnh*: 184 hộ (92%) có cống thoát nước, 16 hộ (8%) không có.

Những nhà không có cống thoát nước rất cực. Có nhà khoét một cái lỗ để đổ xuống đó nước rửa ráy giặt giũ và hàng ngày mức từng lon đem đổ xuống sông. Nhưng vấn đề là cống thoát nước hay nhà vệ sinh ở khu vực ven kênh rạch chỉ giải quyết vệ sinh "bề mặt". Vì mọi thứ cuối cùng đều đổ ra sông. Những nhà xây trên sông hay là ven sông chịu ảnh hưởng của môi trường ô nhiễm nặng nề. Rác, phân ứ đọng trên mặt nước ngay dưới sàn nhà. Một số sống bên cạnh nhà vệ sinh công cộng phải chịu mùi hôi hám liên tục, 37 nhà (18%) bị ngập nước khi trời mưa.

## 3. Điện, nước sinh hoạt

Tất cả 200 hộ đều có điện nhưng nhiều nhà dùng chung một đồng hồ điện và có tình trạng cầu điện xa, phức tạp. Dù sao vấn đề điện có thể khắc phục được.

Về nước: 123 hộ (61%) có nước tại nhà 66 hộ (33%) cầu nhờ, 11 hộ (6%) ở vòi nước công cộng.

Vấn đề nước khó khăn hơn nhiều vì nước không chảy hoặc chỉ chảy từ 1 - 4 giờ sáng, hoặc chỉ nhỏ giọt vào ban ngày. Có hộ phải canh nước suốt đêm. Việc thiếu nước dẫn đến cãi nhau, mất trật tự gây phiền phức trong giờ giấc sinh hoạt làm việc ảnh hưởng đến sức khỏe của bà con.

## III- KINH TẾ VÀ ĐỜI SỐNG

### 1. Dân cư

*Độ tuổi*:

Tổng số người trong 202 hộ được nghiên cứu gồm 1.179 người (bình quân 5,83 người/hộ) trong đó có 538 nam (45,63% dân số) và 641 nữ (54,36%). Tỷ lệ giới tính phản ánh tỷ lệ chung của phường và khu phố.

Tháp tuổi trình bày ở đây cho thấy khu phố có một dân số rất trẻ. 40 tuổi trở xuống gồm 76,73%. Trẻ em và thiếu niên từ 0 - 15 tuổi chiếm 23,65%. Tuổi 16 - 30, tuổi thanh

niên trai tráng chiếm 34,85% (với tổng số người là 411 người).

Số nữ luôn luôn cao hơn nam trong các lứa tuổi chỉ trừ lứa tuổi 21 - 30.

#### *Trình độ học vấn*

Dân cư từ 7 - 60 tuổi gồm 959 người. Chúng tôi chỉ nắm trình độ học vấn của 955 người. Kết quả như sau:

Gần 70% dân số ở độ tuổi 7 - 60 tuổi học tới cấp 2 và trên 30% học từ cấp 3 trở lên. Nếu lấy thêm những người trên 60 tuổi thì chắc chắn trình độ chung sẽ thấp hơn. So sánh giữa nam và nữ thì tỷ lệ nữ đông hơn ở cấp mù chữ, cấp 1 và cấp 2. Từ cấp 3 trở lên thì tỷ lệ nam có trình độ học vấn cao, lại cao hơn.

Trẻ từ 7 - 15 tuổi gồm 173 em và chỉ có 132 em đang đi học nghĩa là 76%. Nói cách khác gần 1/4 trẻ ở tuổi phải đi học thì không đi học. Trong 41 em không đi học thì 30 ở nhà, 8 đi buôn bán, 3 đi làm.

*Bảng 1. Trình độ học vấn của 955 đối tượng từ 7 - 80 tuổi*

Giới tính	Nam	Nữ	Tổng cộng	%
Mù chữ	11	16	26	2,82
Cấp 1	126	184	310	32,46
Cấp 2	167	177	344	36,02
Cấp 3	98	99	197	20,62
Trung học chuyên nghiệp	14	14	28	2,93
Đại học	27	22	49	5,13
Tổng cộng	443	512	955	100

## **2. Tay nghề**

Chúng tôi chỉ tính những thành viên từ 16 - 60 tuổi, gồm tất cả 786 người. Trừ 7 trường hợp không xác định rõ và 57 bạn trẻ còn đi học, chúng tôi đã nắm tình hình tay nghề của 722 người. Khái niệm "tay nghề" được hiểu không chỉ theo nghĩa chính qui là người có đi học ở trường lớp mà cả những nghề mà sự thành thạo của đối tượng bảo đảm cho họ kiếm sống được như sửa xe, thợ máy, bán thịt bò, phở v.v... Kết quả cho thấy:

*Bảng 2: Tay nghề*

Giới tính	Nam	Nữ	Tổng cộng	%
Tay nghề				
Có	165	125	90	40
Không	171	261	432	60
Tổng cộng	336	386	722	100

So sánh giữa nam và nữ thì 49% tổng số nam (165/336) có tay nghề, trong lúc đó chỉ 32% nữ (125/386) có tay nghề.

### 3. Công việc đang làm

Tay nghề, nghề nghiệp là một đảm bảo để có việc làm và vị trí xã hội. Tuy nhiên với trình độ phát triển kinh tế xã hội ở nước ta hiện nay có người có bằng cấp hay tay nghề cao nhưng không có việc làm; có người không có tay nghề nhưng có thu nhập cao như người buôn bán chẳng hạn.

Trong độ tuổi 16 - 60 có 786 người. Trong số này, chúng tôi trừ ra 78 người gồm: 57 học sinh, sinh viên; 4 người nghỉ chính sách; 12 người mất sức khỏe (chủ yếu là bệnh tâm thần); 2 người ở nơi khác (một vượt biên, một về quê); 3 phạm nhân đang ở tù (một chung thân);

Còn lại 708 người. Vậy 708 người này hiện đang làm gì? Dưới đây là kết quả điều tra.

*Bảng 3. Công việc đang làm*

Đang làm gì	Giới tính		Tổng cộng	%
	Nam	Nữ		
Không làm gì hết	75	129	204	28,81
Đi làm (công, tư)	179	94	273	38,55
Làm ở nhà	24	40	64	9,03
Buôn bán	48	119	167	23,58
Tổng cộng	326	382	708	100

Như ở mọi khu xóm lao động khác, đồng bào ở đây rất cần cù nếu họ tìm được việc làm. Các công việc được nêu lên trong các bảng điều tra hết sức đa dạng: từ cán bộ, công an, giáo viên, nhà nghiên cứu tới anh đạp xe ba gác, chị phụ nữ bán rau, thợ may, chú bán phở, bà cắt lè, anh viết thư, phiên dịch ở bưu điện..

Gần 29% ở độ tuổi làm việc, học tập, có sức khỏe không làm gì hết. Hết sức đáng quan tâm là ở độ tuổi 16 - 30 có đến 109 người (61 nữ) 48 nam), chiếm 26% dân số độ tuổi này.

38,55% đi làm, có nghĩa họ là công nhân, viên chức, tư chức đi làm hằng ngày hưởng lương hay một thứ thu nhập thường xuyên nào đó. Trong số này chúng tôi kể luôn những người đi xe ba gác, sửa xe ngoài khu phố, và cả "tiếp viên" v.v... Số nam đi làm cao hơn nữ.

9,03% làm ở nhà, là phụ nữ với tiệm uốn tóc, tiệm may, nam giới sửa điện, radio, tivi v.v . Số nữ làm ở nhà cao hơn nam.

23,58% là người buôn bán, ở mặt đường có người buôn bán phở, ngay cả vàng; vào sâu trong hẻm thì bán rau quả, thức ăn, nước giải khát. Qui mô đi từ lớn tới rất nhỏ.

Nói chung trên 70% là người lao động cần cù, tìm mọi cách để có kế sinh nhai. Do hoàn cảnh, gần 30% không có việc làm, trong số này có những người bắt buộc phải sống bằng những nghề bất chính.

#### 4. Thu nhập

Dù có 273 người "đi làm", chỉ có 85 hộ có người hưởng lương cố định (lương công nhân viên hay lương chính sách). Thường thì trong một gia đình có sự kết hợp giữa lương (phần lớn là không cao) với những nguồn khác như buôn bán, dịch vụ, làm thêm v.v... Có 17 hộ chỉ có lương cố định.

*Các nguồn thu nhập khác nhau*

-Lương: (lương công nhân viên: 75. lương chính sách: 10)	85 hộ
Cộng thêm với lương. và kết hợp lẫn nhau có:	
- Buôn bán	104 hộ
- Dịch vụ làm tại nhà	70 hộ
- Lao động phổ thông	60 hộ
- Lao động bất chính (mãi dâm, chứa bài, chạy mách v. v...)	14 hộ
- Giúp đỡ của gia đình	46 hộ

Trong đó 32: ngoài nước. 14 trong nước.

Nói chung đa số có thu nhập không cố định và 46 hộ (trên 22%) sống nhờ sự giúp đỡ của gia đình, trong số này 32 hộ (gần 16%) nhận từ thân nhân ở nước ngoài.

#### 5. Đời sống kinh tế

Rất khó đánh giá một cách chính xác mức sống của một hộ. Dưới đây là một sự ước lượng chủ quan và sơ khởi của các điều tra viên về đời sống kinh tế của các hộ được nghiên cứu Căn cứ trên tình hình công ăn việc làm, đồ đạc trong nhà và trao đổi với gia đình đó, có khi cả với hàng xóm, các điều tra viên thử phân loại các hộ gia đình và có chứng minh bằng dữ kiện như "nhà có xe honda Cub, và radio, ti vi mới" hoặc "gia đình có người đau ốm phải mang nợ" hoặc "có đủ ăn hàng ngày nhưng không dư dả".

Dưới đây là kết quả đánh giá:

Rất khó khăn	09 hộ	(4,45%)
Khó khăn	44	(21,78%)
Đủ ăn	94	(46,53%)
Khá	50	(24,75%)
Giàu	05	(2,4%)

Ở hai cực có trên 26% khó khăn và rất khó khăn và trên 27% giàu và khá (thường là các hộ sống ở mặt đường). Ở giữa có 46,53% hộ vừa đủ ăn. Các điều tra viên đánh giá khá sát sao. Đủ là không dư, là có ăn hàng ngày một cách dè sẻn thôi. Do đó có thể nói chung là đời sống khá chật vật cho 73% các hộ sống ở đây. Cần quan tâm gần 22% sống khó khăn và 4,50% diện cứu trợ.

#### IV- CÁC KHÍA CẠNH XÃ HỘI

##### 1. Tình trạng sức khỏe

Đây cũng mới là một sự đánh giá sơ khởi trên cơ sở lời nói của các đối tượng. Dù có đến thăm nhiều lần, các điều tra viên không tận mắt thấy tất cả các thành viên trong hộ. Các điều tra viên cũng không phải là nhân viên sức khỏe. Dù sao đây cũng là một gợi ý ban đầu Theo kết quả điều tra, 105/202 hộ (gần 52%) không có vấn đề gì đặc biệt về sức khỏe, đối với 97 hộ còn lại (48%), các vấn đề sức khỏe gồm có:

- Bệnh ngoài da	02 hộ
- Bệnh đường ruột	05 hộ
- Suy dinh dưỡng trẻ em	06 hộ
- Khuyết tật (thể chất, tâm thần)	14 hộ
- Bệnh đường hô hấp	18 hộ
- Các bệnh khác (tim mạch, thấp khớp v.v... chủ yếu nơi người lớn tuổi)	52 hộ

Các điều tra viên khá ngạc nhiên thấy phần lớn trẻ em, thiếu niên có vẻ khỏe mạnh dù sống trong điều kiện môi trường rất xấu, và kinh tế thiếu thốn. Tuy nhiên 48% các hộ có vấn đề sức khỏe là rất đáng quan tâm vì lẽ ra phải có "sức khỏe cho mọi người". Nhưng sức khỏe lệ thuộc vào các yếu tố môi trường, kinh tế xã hội, nên giải pháp cũng nằm trong các biện pháp chung.

## 2. Vấn đề xã hội

Nỗi bức xúc của Đảng ủy và ủy ban nhân dân phường Tân Định chính là vấn đề con người và xã hội. An ninh trật tự rất khó bảo đảm trong cuộc sống chen chúc, thất nghiệp, thất học. Nội vấn đề nước hàng ngày cũng tạo ra bao cuộc cãi vã, ẩu đả. Tìm hiểu các vấn đề xã hội ở đây không khó vì sự việc xảy ra nhan nhản và hàng xóm biết nhau hết. Điều đáng lưu ý hơn là chính các hộ được thăm hỏi cũng rất thành thật bộc lộ những vấn đề của mình. Các vấn đề xã hội được phân bố như sau:

34 hộ (16,83%) có sự mâu thuẫn, rạn nứt trong gia đình khá nặng. 33 hộ (16,36%) có người lớn thất nghiệp. 20 hộ (9,98%) có trẻ em thất học. 20 hộ (9,98%) có người liên quan đến dịch vụ bia, cà phê ôm, mại dâm dốt mồi. 15 hộ (7,42%) có người trộm cắp (1 trường hợp là cướp). 09 hộ (4,45%) nghiện ngập, rượu chè (5 hộ), ma túy (4 hộ). 03 hộ (1,48%) có người thuộc thành phần phá rối trị an. 24 hộ (11,88%) có những vấn đề khác, trong đó có vấn đề nợ chồng chất bị siết hộ khẩu v.v...

Trên đây là số hộ có vấn đề chứ không phải số cá nhân. Thường trong một hộ có vấn đề thì có nhiều người có liên quan như tệ mại dâm, trộm cắp v.v... Và thường trong một hộ, tập trung nhiều vấn đề. Ví dụ có một hộ tập trung 5 loại vấn đề, 04 hộ tập trung 4 vấn đề 13 hộ có 3 vấn đề và 26 hộ có 2 vấn đề. Điều này tất yếu vì các vấn đề tác động lẫn nhau. Ví dụ nghèo đưa tới thất nghiệp, thất nghiệp dẫn tới bất hòa, làm ăn bất chính, nghiện ngập.

## V- NGUYỆN VỌNG CỦA ĐỒNG BÀO

Có thể nói các nguyện vọng xoay quanh 4 trục chính: việc làm, an ninh trật tự khu phố, nhà ở, hộ khẩu.

### 1. Việc làm

64 (31,68%) chủ hộ hay người đại diện nêu lên mối quan tâm lớn nhất là công ăn việc làm, vốn làm ăn, tăng thu nhập để cuộc sống đỡ cơ cực hơn. Trong đó chính phụ huynh và bản thân thanh niên mong mỏi không gì hơn một việc làm chân chính để sống đàng hoàng. Có người có tay nghề và mong muốn đóng góp.

### 2. Vệ sinh, trật tự an ninh khu phố

47 (23,60%) mong đời sống khu phố được cải thiện về mặt vật chất (cống rãnh: 10 ý



kiến, nước: 14 ý kiến, nhà vệ sinh v.v...) lẫn tinh thần.

### **3. Muốn dời đi nơi khác, chủ yếu vì lý do an ninh**

32 (15,84%) người khẳng định ý muốn dời đi nơi khác. Đa số nêu lý do sợ ảnh hưởng xấu của môi trường sống đến con cái. Số ít nghĩ tới việc về quê làm ăn cho căn cơ hơn.

Có thể nói mối quan tâm đến an ninh khu phố ngang với nhu cầu về công ăn việc làm.

### **4. Nhà ở**

32 (15,84%) rất mong được sửa chữa nhà ở và không phải là luôn luôn họ đòi hỏi hay trông cậy vào chính quyền.

### **5. Cư trú hợp pháp**

24 (11,88%) nêu lên mối quan tâm dai dẳng là hợp thức hóa việc thường trú cho chồng con, đi kinh tế mới, nghĩa vụ hay học tập cải tạo về.

### **6. Thủ tục xuất cảnh chóng hoàn thành**

09 (4,45%) là những người chờ xuất cảnh và mong thủ tục được hoàn tất nhanh chóng.

**7. Các nguyện vọng khác** ít tập trung hơn, đề cập đến giáo dục con cái (sợ ảnh hưởng xấu của xã hội, sân vui chơi cho trẻ, học phí), vấn đề chưa hài lòng với cán bộ phường (03 ý kiến), việc giảm thuế, và tiền lao động công ích.

## **VI- NHẬN XÉT KẾT LUẬN**

### **1. Tiềm năng trong nhân dân ở khu phố 6 khá lớn:**

Trước tiên là một dân số trẻ, nếu được tạo điều kiện sẽ làm ra nhiều của cải, dịch vụ. Trình độ học vấn chung không đến nỗi thấp. Gần 8% tốt nghiệp đại học hay trung cấp chuyên nghiệp, hơn 20% đạt trình độ cấp 3, trên 36% có trình độ cấp 2, 40% có tay nghề. Cuộc điều tra nêu lên hình ảnh một cộng đồng năng động, lao động cật lực, có những ước muốn chính đáng như công ăn việc làm, cải thiện an ninh trật tự khu phố, cải thiện môi sinh, nhà ở... Chắc chắn mọi chương trình nhằm vào các mục đích này sẽ được người dân hưởng ứng nhiệt liệt. Khảo sát cũng cho thấy không có dấu hiệu của sự bất mãn lớn đối với chính quyền hay những khó khăn của cuộc sống.

### **2. Những hạn chế**

Hạn chế chung lớn nhất là đất nước ta cho đến những năm gần đây có một khoảng cách quá lớn với thế giới nên thiếu thông tin, chậm bước trong vấn đề quản lý và phát triển đô thị, phát triển xã hội.

Cách làm độc quyền, nhà nước hóa tất cả, thái độ bao cấp, ban bố, mệnh lệnh làm cho phần lớn cán bộ mất đi cái nhìn "phát triển" đối với dân. Do ôm đồm bao cấp trách nhiệm, thói quen chung là không bao giờ nghĩ rằng cá nhân, tổ chức ngoài chính phủ có một vai trò trong xây dựng xã hội và đất nước. Và cũng từ đó phát sinh cảm giác bất lực. Có một nguyên nhân thực tế là do trình độ hạn chế, nhiều cán bộ sợ dân làm tốt thì uy tín của chính mình sẽ bị sút mẻ. Đó là chưa nói đến những hạn chế thuộc phạm vi tiêu cực.

### 3. Những kiến nghị về quản lý

#### 3.1. Đối với bộ máy phường

##### a) Nâng cao hiệu quả bộ máy

Trong quá trình xác định lại chức năng, ngoài chức năng hành chính, phường còn nên đóng vai trò "xúc tác phát triển", một vai trò hết sức cần thiết, nhất là đối với nhiều khu vực đông dân cư nghèo.

##### b) Đổi mới nhân sự

Cần mạnh dạn tự giải phóng khỏi tinh thần "ban bệ" mà lấy hiệu quả làm kim chỉ nam. Các cơ cấu xơ cứng là cản ngại lớn. Một tác viên phát triển cao tay nghề có khả năng khơi dậy và tổ chức một cộng đồng vài ngàn người với sự tham gia của dân chúng. Để đáp ứng yêu cầu phát triển, phẩm chất, năng lực hành chính không đủ, mà người cán bộ mới cần thiết phải có khả năng tự đổi mới, để đổi mới xã hội.

Thay đổi, đào tạo lại, đào tạo mới, nhất là đào tạo đúng, là việc làm cần thiết để hiệu năng hóa bộ máy.

Nên nhờ các chuyên gia quản lý hành chính tư vấn cải tiến lề lối làm việc để bớt vất vả với công tác hành chính mà tập trung vào phát triển.

#### 3.2. Một chương trình phát triển tổng hợp

Cái gốc của các vấn đề xã hội vừa trình bày là kinh tế môi trường.

a) Phường nên tìm đến các nhà tư vấn *kinh tế nhỏ, kinh tế phi chính qui* để nghiên cứu vấn đề tạo thêm công ăn việc làm cho nhân dân. Trong quá trình này cần tiếp cận càng sớm càng tốt với phong trào tín dụng nhỏ cho người nghèo để cải thiện nhà ở và tăng thu nhập. Từ đó vạch một kế hoạch cụ thể.

b) Cải thiện hạ tầng kỹ thuật (cống rãnh, nước v.v...) và môi trường là một công việc bức bách. Phường cần tiếp xúc với Sở Nhà đất để qua đó tiếp cận với các tổ chức và chuyên gia quốc tế về nhà ở để có những biện pháp càng ít và vợi càng tốt. Không thể giải tỏa cả một khu phố nhưng khu phố 6 thuộc loại có mật độ quá cao nếu vẫn giữ như cũ sẽ không giải quyết được vấn đề. Cần quan tâm giúp đỡ những người tự nguyện muốn dời đi nơi khác và tất yếu không thể để các nhà trên kinh rạch.

c) Tổ chức các "nhóm hành động theo mục tiêu" để cùng giải quyết nhu cầu chung.

Các nhóm này không sống đời như các ban bệ cũ mà giải thể, biến dạng khi mục tiêu được giải quyết Cần quan tâm đến nhóm dân cư từ 15 - 30 tuổi và vận động chính họ trong các công trình công ích có bồi dưỡng thỏa đáng.

d) Vận động tối đa tiềm năng nhân lực, vật lực ngay trong phường để có sự đóng góp của các nhóm xã hội khác nhau để phát huy tinh thần cộng đồng tự giúp. Kinh nghiệm cho thấy nhân dân thành phố sẵn sàng đóng góp cho các dịch vụ nhân đạo. Cần thông tin cụ thể, sống động hơn về hoàn cảnh sinh sống của những đồng bào nghèo của phường và "giáo dục phát triển" để thay vì tập trung cho công tác cứu trợ, từ thiện, thì đóng góp cho phát triển có tác dụng căn bản và lâu dài hơn.

Gây Quỹ phát triển xã hội được quản lý chặt chẽ, có hiệu quả và báo cáo kết quả thường xuyên để khuyến khích, duy trì sự đóng góp.

#### 3.3. Một chương trình công tác xã hội được chuyên môn hóa từng bước.

Những vấn đề xã hội của các khu dân cư nghèo về lâu về dài sẽ giảm bớt với các biện pháp tổng hợp và căn bản. Tuy nhiên, các vấn đề này rất phức tạp, gây tổn thương trầm

trọng cho nhân cách. Cứu trợ nhất thời, động viên, cải tạo không đủ. Phải có tay nghề để song song với tìm tòi thêm việc làm, có tiếp xúc, theo dõi thường xuyên, hỗ trợ tinh thần, tư vấn tâm lý. Các đối tượng cần sự quan tâm đặc biệt gồm:

- Những gia đình đang có khó khăn và rất khó khăn về kinh tế.
- Các nạn nhân xã hội như người nghiện ngập, gái mại dâm, phạm nhân.
- Các gia đình có nguy cơ rạn nứt.
- Số thanh niên độ tuổi 16 - 30 tuổi (đông nhất trong các lứa tuổi), mà 26% không công ăn việc làm và không đi học.
- Trẻ em thất học.
- Người lớn thất nghiệp.
- Người bệnh, khuyết tật.

Công tác này không thể làm chung chung mà một cách cá biệt hóa mới có hiệu quả.

3.4. *Bồi dưỡng nhân sự chuyên môn và tình nguyện* về phát triển cộng đồng và công tác xã hội là một điều cần thiết để đẩy mạnh công cuộc phát triển và giải quyết các vấn đề xã hội. Khơi dậy, đẩy lên, tổ chức tài nguyên nhân sự mới. Nhiệm vụ mới đòi hỏi con người mới. Vì con người là nhân tố quyết định của mọi chương trình xã hội.



Thảo luận với các chuyên gia CEPED về Dự án VIE/92/P02